

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1212 /QĐ-ĐHTM-HĐTS

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

*V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa
đợt 4 năm 2025 khu vực miền Bắc*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-ĐHTM ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Đề án tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1211/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 23/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học thương mại về việc Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 4 năm 2025 khu vực miền Bắc;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 328 thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 4 năm 2025 khu vực miền Bắc, trong đó:

- Ngành Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh): 75 thí sinh;
- Ngành Marketing (chương trình đào tạo Marketing thương mại): 66 thí sinh;
- Ngành Thương mại điện tử (chương trình đào tạo Quản trị Thương mại điện tử): 74 thí sinh
- Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng): 74 thí sinh;

- Ngành Luật kinh tế (chương trình đào tạo Luật kinh tế): 39 thí sinh.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thí sinh có tên tại Điều 1 thực hiện nhập học theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025; Trường các đơn vị trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG – PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THẮNG

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Đại học

(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 23/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	A050	Đỗ Thị Hải Anh	Nữ	07/07/2002	Đại học	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
2	A076	Phan Văn Bách	Nam	11/01/2001	Đại học	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
3	A024	Cao Nguyễn Tùng Dương	Nam	18/11/2001	Đại học	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh	
4	A025	Trần Văn Duy	Nam	20/12/2001	Đại học	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
5	A057	Lý Hải Hoàng	Nam	14/06/2002	Đại học	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	
6	A032	Nguyễn Thu Hương	Nữ	19/12/1986	Đại học	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
7	A051	Ngô Ngọc Trung Kiên	Nam	16/01/1998	Đại học	Học Viện Kỹ thuật Quân sự	Quản trị kinh doanh	
8	A074	Phạm Thành Lam	Nam	03/02/2000	Đại học	Trường Đại học Y dược Hải Phòng	Quản trị kinh doanh	
9	A075	Phan Quỳnh Liên	Nữ	02/02/1981	Đại học	Trường Đại học Xây dựng	Quản trị kinh doanh	
10	A014	Phạm Văn Phúc	Nam	10/08/1987	Đại học	Trường Đại học Đại Nam	Quản trị kinh doanh	
11	A060	Nguyễn Minh Thư	Nữ	31/10/1986	Đại học	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
12	C019	Trần Thị Kim Dung	Nữ	23/12/1990	Đại học	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Marketing	
13	C064	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	03/10/2002	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Marketing	
14	C066	Lê Nguyễn Tuấn Linh	Nam	29/08/1998	Đại học	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Marketing	
15	C043	Trương Thị Loan	Nữ	16/04/2000	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Marketing	
16	C042	Nguyễn Hải Nam	Nam	10/09/1999	Đại học	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	Marketing	
17	C030	Nguyễn Bảo Ngân	Nữ	01/01/2003	Đại học	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Marketing	
18	C063	Phạm Việt Trinh	Nữ	10/12/2001	Đại học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Marketing	
19	C065	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	Nữ	11/11/2001	Đại học	Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	Marketing	
20	I005	Lê Thu Hà	Nữ	04/10/1984	Đại học	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Thương mại điện tử	
21	LQ043	Dương Tú Anh	Nữ	30/06/2001	Đại học	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
22	LQ015	Tạ Quỳnh Chi	Nữ	24/10/2003	Đại học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
23	LQ056	Nguyễn Thị Thanh Chúc	Nữ	31/01/2001	Đại học	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
24	LQ057	Lưu Thị Hân	Nữ	05/10/1990	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
25	LQ005	Phùng Văn Hưng	Nam	03/10/1985	Đại học	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
26	LQ044	Đỗ Văn Hưng	Nam	12/10/2002	Đại học	Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
27	LQ073	Đoàn Văn Khải	Nam	18/01/1990	Đại học	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
28	LQ046	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	12/01/1997	Đại học	Học Viện Ngân hàng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
29	LQ055	Tạ Hồng Quang	Nam	23/11/1999	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
30	LQ006	Bùi Thị Phương Thu	Nữ	31/07/1999	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
31	LQ051	Lê Minh Trang	Nữ	25/08/2000	Đại học	Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
32	LQ045	Vũ Đức Trung	Nam	13/07/2001	Đại học	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
33	LQ016	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	25/06/2001	Đại học	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
34	P004	Lê Quỳnh Anh	Nữ	01/07/2002	Đại học	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh tế	
35	P036	Nguyễn Phương Anh	Nữ	06/10/1997	Đại học	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	Luật kinh tế	
36	P038	Bùi Thành Đạt	Nam	14/07/1998	Đại học	Học Viện Chính trị Công an Nhân dân	Luật kinh tế	
37	P039	Nguyễn Đức Được	Nam	26/09/1999	Đại học	Trường Đại học Công đoàn	Luật kinh tế	
38	P005	Nguyễn Lê Hồng Hạnh	Nữ	26/04/2000	Đại học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Luật kinh tế	
39	P034	Ngô Thị Thuý Hạnh	Nữ	17/07/2001	Đại học	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Luật kinh tế	
40	P033	Phạm Văn Huy	Nam	20/10/1988	Đại học	Học Viện Hải quân	Luật kinh tế	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
41	P026	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	22/10/2000	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Luật kinh tế	
42	P012	Nguyễn Ngọc Luân	Nữ	06/09/1996	Đại học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Luật kinh tế	
43	P035	Nguyễn Đình Phong	Nam	14/07/2003	Đại học	Trường Đại học Công đoàn	Luật kinh tế	
44	P040	Nguyễn Văn Phúc	Nam	03/06/1988	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Luật kinh tế	
45	P037	Đỗ Thị Minh Phương	Nữ	16/12/1984	Đại học	Trường Đại học Xây dựng	Luật kinh tế	
46	P032	Đinh Thị Song	Nữ	12/06/1983	Đại học	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Luật kinh tế	
47	P014	Trần Thái	Nam	18/04/1987	Đại học	Trường Đại học Đà Lạt	Luật kinh tế	
48	P006	Nguyễn Cẩm Thi	Nữ	15/10/2002	Đại học	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh tế	
49	P031	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	26/10/1991	Đại học	Trường Đại học Lạc Hồng	Luật kinh tế	
50	P013	Nguyễn Hoàng Tú	Nữ	20/11/1987	Đại học	Trường Đại học Tây Bắc	Luật kinh tế	
51	P019	Lê Đăng Giang Tùng	Nam	17/04/1998	Đại học	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Luật kinh tế	

(Danh sách gồm 51 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẬC HỌC TRƯỚC**

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Cao đẳng

(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 23/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
1	A048	Đoàn Thị Kim	Chi	22/03/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,60	
2	A056	Phạm Dung	Anh	21/03/1995	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	8,50	
3	A046	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/08/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,17	
4	A072	Hoàng Thị	Thảo	12/07/1992	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,03	
5	A042	Đỗ Đức	Lâm	01/09/2001	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	8,00	
6	A059	Nguyễn Thị	Linh	15/02/1989	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Khách sạn và Du lịch	Quản trị kinh doanh	7,80	
7	A013	Nguyễn Hoàng	Long	15/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Quản trị kinh doanh	7,70	
8	A049	Chu Tấn	Phong	07/02/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Quản trị kinh doanh	7,70	
9	A054	Nguyễn Hương	Lan	16/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Quản trị kinh doanh	7,60	
10	A053	Bùi Tất	Tân	13/09/1986	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,60	
11	A045	Nguyễn Anh	Quân	07/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Quản trị kinh doanh	7,40	
12	A069	Nguyễn Tuấn	Trường	22/09/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,40	
13	A073	Hà Thị	Thom	18/11/1992	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao Đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,39	
14	A006	Phạm Thị Thu	Hương	02/03/1988	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Cơ điện Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,20	
15	A023	Ngô Thị	Nhung	16/05/1995	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7,04	
16	A022	Nguyễn Văn	Dậu	29/03/1993	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,90	
17	A043	Phạm Thị Hải	Anh	26/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,77	
18	A044	Doãn Thị	Thủy	30/08/1988	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh	6,59	
19	A055	Nghiêm Thị	Hoài	26/04/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	6,40	
20	A071	Nguyễn Văn	Nam	08/03/1992	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Xây dựng Số 1	Quản trị kinh doanh	6,33	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
21	A058	Trương Công	Minh	12/04/1993	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Mở - Địa chất	Quản trị kinh doanh	5,99	
22	A070	Bùi Thị Lan	Anh	07/07/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam	Quản trị kinh doanh	5,90	
23	C028	Nguyễn Phương	Nam	07/05/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	8,80	
24	C029	Phạm Thị	Hà	08/06/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	8,40	
25	C049	Nguyễn Tiến Thị Thanh	Hoa	25/09/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	8,40	
26	C057	Nguyễn Trọng	Duy	23/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Marketing	8,34	
27	C059	Lưu Thị	Hoài	15/02/2002	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	8,20	
28	C026	Hoàng Thị	Ngân	25/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	8,10	
29	C039	Nguyễn Hương	Giang	25/03/2005	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,90	
30	C060	Nguyễn Bá	Đạt	27/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,80	
31	C041	Lâm Khánh	Hạ	11/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội	Marketing	7,74	
32	C048	Nguyễn Khả	Hùng	16/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,70	
33	C018	Nguyễn Minh	Đức	01/03/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,60	
34	C062	Nguyễn Huy	Hoàng	02/06/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,50	
35	C027	Nguyễn Huy	Lương	11/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,50	
36	C061	Nguyễn Thuý	Hiền	13/08/2005	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,40	
37	C058	Vũ Bảo	Long	20/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,40	
38	C017	Đào Đức	Hải	10/10/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Marketing	7,20	
39	C040	Trần Duy	Hung	08/01/1999	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Marketing	7,00	
40	I070	Phùng Thùy	Trang	13/08/2002	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	9,04	
41	I074	Lê Thị	Hồng	18/08/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,71	
42	I069	Nguyễn Thị Kim	Chi	22/02/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,60	
43	I067	Phùng Hải	Yến	19/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,51	
44	I019	Đỗ Thị Phương	Anh	10/09/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,50	
45	I017	Phạm Thu	Phương	24/03/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,50	
46	I022	Nguyễn Hương	Giang	10/01/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,45	
47	I007	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/09/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,40	
48	I032	Bùi Quang	Thành	01/05/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Thương mại điện tử	8,40	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
49	I011	Phạm Tuấn	Long	08/10/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,30	
50	I056	Lê Thị	Trang	09/02/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,30	
51	I057	Nguyễn Thị	Quyên	11/02/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,15	
52	I038	Nguyễn Vũ Phương	Anh	26/08/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,10	
53	I043	Phạm Hải	Anh	05/03/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,10	
54	I055	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,04	
55	I073	Nguyễn Hữu	Long	02/10/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
56	I031	Giang Thị Phương	Thảo	07/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
57	I018	Cà Văn	Tùng	26/05/2001	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	8,00	
58	I059	Chu Diệu	Ly	22/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,90	
59	I021	Trần Thị Việt	Trinh	05/12/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,90	
60	I030	Vũ Văn	Trương	19/04/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,90	
61	I010	Nguyễn Minh	Tú	07/03/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,90	
62	I029	Nguyễn Xuân	Hậu	28/03/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,80	
63	I071	Lê Thị Thảo	Linh	11/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,80	
64	I004	Nguyễn Thị	Thoa	24/09/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,80	
65	I034	Nguyễn Thành	Công	22/04/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,70	
66	I035	Phan Thanh	Được	26/11/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,70	
67	I041	Nguyễn Thành	Duy	20/04/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,70	
68	I023	Nguyễn Ngọc	Huy	19/12/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,70	
69	I012	Bùi Đức	Thanh	30/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,70	
70	I068	Vũ Hoài	Nam	10/09/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	7,62	
71	I047	Phạm Phúc Đức	Cường	02/02/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
72	I063	Nguyễn Duy	Dũng	04/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
73	I033	Lê Đình	Quang	02/10/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
74	I066	Đặng Văn	Toàn	25/02/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,60	
75	I065	Nguyễn Quý	Vương	12/03/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,60	
76	I062	Nguyễn Linh	Chi	13/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,50	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
77	I072	Hà Trung	Đức	16/07/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,50	
78	I060	Nguyễn Duy	Sáng	10/09/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,50	
79	I058	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	7,48	
80	I064	Trần Danh	Huân	15/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,40	
81	I020	Nguyễn Tuấn	Minh	15/05/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,40	
82	I061	Lỗ Tuyền	Hải	15/09/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,20	
83	I039	Ngô Thế	Hung	21/10/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,20	
84	I036	Đào Công	Minh	09/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,20	
85	I008	Phùng Quốc	Khánh	23/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội	Thương mại điện tử	7,11	
86	I044	Phạm Quang	Đạt	03/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	7,10	
87	I046	Phạm Văn	Dũng	12/06/2000	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,00	
88	I028	Lê Phương	Long	19/09/2005	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	6,90	
89	I042	Đào Trọng	Đạt	18/03/2005	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Thương mại điện tử	6,80	
90	I048	Phạm Thanh	Cao	20/03/1992	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình đô thị	Thương mại điện tử	6,62	
91	I040	Bùi Đăng	Duân	03/03/1995	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Thương mại điện tử	5,99	
92	LQ068	Đàm Quang	Thanh	20/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,40	
93	LQ067	Đỗ Khánh	Ly	27/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,20	
94	LQ014	Đào Thị	Mùi	31/10/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,10	
95	LQ031	Đinh Đình	Sơn	30/04/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,10	
96	LQ041	Trần Thị	Mai	20/08/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,00	
97	LQ070	Lò Văn	Hoàng	27/07/1999	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bắc Hà	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,91	
98	LQ025	Lương Trần Minh	Hiếu	26/04/2001	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,80	
99	LQ042	Trần Đức	Anh	02/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,70	
100	LQ040	Nguyễn Hữu	Duy	01/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,60	
101	LQ066	Nguyễn Khắc Minh	Trí	02/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,50	
102	LQ050	Lê Như	Quỳnh	04/12/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,20	
103	LQ026	Nguyễn Hải	Phượng	23/02/1994	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,12	
104	LQ024	Đặng Vũ Trà	My	27/01/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,04	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
105	LQ072	Nguyễn Thị Thùy Dung	26/03/1990	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,94	
106	LQ069	Đào Trọng Tiên	12/06/2001	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,89	
107	LQ071	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/04/1994	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,73	
108	P030	Dương Thị Hường	03/06/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Luật kinh tế	8,40	
109	P018	Nguyễn Quốc Đăng	19/10/2001	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Luật kinh tế	6,90	

(Danh sách gồm 109 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẬC HỌC TRƯỚC**
**Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(phương thức xét tuyển theo học bạ/Bảng điểm THPT theo tổ hợp môn xét tuyển)**
(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 23/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	A010	Nguyễn Lan Cát Tiên	17/02/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	KV2NT	9,5	9,0	8,5	0,18	27,56	
2	A052	Trần Hiền Anh	08/02/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV3	9,0	8,6	9,3		26,93	
3	A017	Nguyễn Thu Trà	05/11/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,8	8,6	8,4		25,95	
4	A031	Phạm Vũ Hùng Cường	26/11/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Quản trị kinh doanh	KV2NT	8,6	8,6	8,4	0,29	25,94	
5	A040	Trần Ngọc Mai	17/12/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		8,7	8,4	8,2		25,50	
6	A064	Lê Đào Thanh Hoan	12/10/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,3	8,3	8,8		25,28	
7	A028	Nguyễn Thị Thái	07/07/1984	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tây	Quản trị kinh doanh		8,7	7,9	8,2		25,13	
8	A019	Trương Thị Mai Trang	09/11/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Quản trị kinh doanh		8,0	8,6	8,6		24,90	
9	A063	Lâm Hiệp Thương	15/07/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng	Quản trị kinh doanh		8,2	7,6	8,8		24,60	
10	A036	Trần Hoàng Anh	25/03/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh		8,5	6,8	8,9		24,53	
11	A015	Đinh Thị Thu Hà	20/08/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	KV2NT	7,3	8,2	8,4	0,44	23,84	
12	A029	Đặng Thùy Linh	11/03/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV2	7,8	8,6	7,2	0,22	23,77	
13	A027	Hoàng Thị Hoa	19/01/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		7,5	8,6	8,0		23,70	
14	A039	Ngô Thị Diện	23/09/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		8,0	7,8	7,6		23,55	
15	A034	Hoàng Thị Linh Chi	29/12/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Quản trị kinh doanh		7,9	7,5	8,0		23,48	
16	A021	Dương Thị Hạnh	11/07/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh		7,8	7,9	7,5		23,25	
17	A067	Hoàng Văn Tùng	25/11/1993	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		8,5	7,2	6,6		23,10	
18	A007	Trần Tú Lan	10/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		7,1	8,0	8,0		22,65	
19	A038	Hoàng Thị Kim Chi	05/09/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh		7,6	7,6	7,3		22,58	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
20	A011	Trần Xuân Tuyền	17/12/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh	KV2NT	6,7	7,5	8,1	0,50	22,25	
21	A001	Phan Thị Thu Hoài	18/01/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		7,1	7,7	7,6		22,13	
22	A037	Nguyễn Trí Kiên	09/11/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Quản trị kinh doanh		7,2	8,0	7,1		22,13	
23	A068	Nguyễn Tuấn Đạt	06/09/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,3	7,0	5,6		21,90	
24	A066	Bùi Thị Diệu Linh	12/10/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	KV2	6,8	7,2	8,0	0,25	21,85	
25	A041	Vũ Hoàng Hiệp	24/05/1996	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,7	6,4	7,0		21,60	
26	A035	Lục Nguyễn Nguyên Vũ	04/01/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Quản trị kinh doanh	KV1	6,9	7,8	6,2	0,75	21,60	
27	A009	Bùi Công Anh	20/09/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		6,8	6,9	7,0		20,63	
28	A008	Đỗ Kim Huệ	23/10/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh	KV1	6,1	7,0	6,9	0,75	20,33	
29	A033	Hoàng Trần Nhật Yên	28/09/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,2	6,1	8,6		20,33	
30	A065	Nguyễn Xuân Thành	17/02/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,0	7,9	6,8		20,03	
31	A062	Lương Xuân Anh	19/08/1995	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh		6,6	6,2	7,1		19,88	
32	A003	Nguyễn Đắc Quyền	20/12/1994	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,4	6,2	7,5		19,88	
33	A016	Ngô Phương Anh	28/09/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,8	6,1	6,2		19,43	
34	A005	Phạm Mạnh Hùng	30/11/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		6,7	5,6	6,9		19,43	
35	A012	Nguyễn Thị Ninh	26/10/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		5,3	6,1	9,1		19,35	
36	A002	Nguyễn Thùy Linh	26/11/1992	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,5	7,0	5,4		19,05	
37	A018	Nguyễn Thị Bình	18/08/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Quản trị kinh doanh		5,7	7,1	6,7		18,90	
38	A030	Nguyễn Lan Anh	10/04/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,2	5,9	6,8		18,83	
39	A061	Đoàn Khắc Nam	16/07/1991	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh		6,1	6,5	6,4		18,83	
40	A004	Tòng Thị Vui	02/11/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên	Quản trị kinh doanh		6,1	5,7	5,5		17,55	
41	A020	Nguyễn Anh Tú	18/11/1993	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		6,1	5,0	5,0		16,65	
42	A026	Trần Quốc Văn	01/06/1994	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		5,4	5,4	5,2		16,05	
43	C054	Nguyễn Thị Xuân	16/03/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing		8,5	8,3	9,5		26,10	
44	C046	Nguyễn Đức Mạnh	20/12/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Marketing		8,3	9,0	9,1		26,03	
45	C036	Hồ Sỹ Quang	27/10/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Marketing		8,8	8,5	8,4		25,88	
46	C006	Vũ Minh Anh	04/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		8,7	8,8	8,0		25,65	
47	C053	Nguyễn Anh Tuấn	24/05/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Marketing		8,8	7,9	8,5		25,50	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
48	C045	Nguyễn Hoàng Nam	21/03/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,2	8,8	8,6		25,35	
49	C016	Đỗ Minh Hằng	04/06/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,5	9,5	9,2		25,28	
50	C037	Nguyễn Quang Thái	13/09/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		9,0	7,8	7,9		25,28	
51	C032	Phạm Minh Hạnh	17/11/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,8	8,4	7,4		25,05	
52	C002	Nguyễn Dương Kha	04/05/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Marketing		8,3	8,3	8,0		24,68	
53	C038	Lê Thị Ngọc Bích	10/09/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông	Marketing		8,0	8,4	8,4		24,60	
54	C022	Ngô Thanh Hiền	26/01/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,6	8,3	9,0		24,38	
55	C004	Nguyễn Phi Triêu Dương	25/12/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,8	8,7	8,1		24,30	
56	C047	Văn Kỳ Anh	14/05/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		8,4	8,1	7,4		24,23	
57	C035	Lê Thị Huyền Trang	11/11/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		8,1	7,4	8,5		24,08	
58	C056	Ngô Duy Anh	06/03/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,3	6,6	8,2		23,55	
59	C034	Nguyễn Thị Hiền Ly	04/09/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Marketing		7,9	7,5	8,0		23,48	
60	C031	Lê Thu Hiền	23/01/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,6	8,3	7,4		23,18	
61	C007	Trần Thị Thuý Hiền	09/10/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing		7,3	8,1	8,1		23,10	
62	C010	Bùi Đình Phương	24/12/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Marketing		7,7	7,7	7,6		23,03	
63	C050	Trần Tiến Dũng	05/12/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	Marketing		8,0	7,5	7,0		22,88	
64	C013	Bùi Thị Thanh Hải	04/02/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Marketing		6,8	8,6	8,1		22,73	
65	C021	Bùi Duy Anh	15/03/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing		7,6	6,7	8,2		22,58	
66	C009	Nguyễn Quốc Việt	14/11/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai	Marketing		7,5	6,5	8,3		22,35	
67	C024	Lê Quỳnh Mai	24/05/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing		7,3	7,4	7,6		22,20	
68	C055	Hoàng Phương Anh	10/10/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,1	7,7	7,5		22,05	
69	C005	Đàm Thị Trà My	26/05/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	Marketing	KV2NT	6,8	7,5	7,4	0,50	21,88	
70	C015	Vũ Thanh Xuân	11/01/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing		6,2	8,5	8,2		21,83	
71	C014	Nguyễn Văn Chiến	27/04/1992	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,3	8,1	8,2		21,68	
72	C044	Trịnh Thị Vân Anh	10/01/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Marketing		7,3	6,9	7,0		21,38	
73	C008	Nguyễn Thị Khánh Chi	20/05/1997	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,2	6,8	6,6		20,85	
74	C020	Hoàng Thị Hường	06/04/1981	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Marketing		6,2	7,0	8,2		20,70	
75	C001	Trần Hoài An	16/07/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Marketing		6,4	7,7	6,9		20,55	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
76	C052	Nguyễn Hải Thiên Long	05/03/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		7,0	5,9	7,1		20,25	
77	C012	Nguyễn Thị Bích Hồng	30/03/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing		7,3	5,9	6,0		19,88	
78	C025	Nguyễn Thị Thu Huệ	16/10/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Marketing		5,8	6,9	7,1		19,20	
79	C051	Vi Quốc Nam	06/06/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Marketing		6,0	7,0	6,3		18,98	
80	C033	Vi Thị Huyền	20/11/1997	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Marketing		6,2	6,2	5,5		18,08	
81	C003	Nguyễn Thị Mai Phương	16/06/1995	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		5,4	6,4	6,8		18,00	
82	C011	Bùi Anh Tú	28/07/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng	Marketing	KV1	5,5	5,8	6,2	0,75	18,00	
83	C023	Nguyễn Thế Quang	02/05/1995	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		5,4	5,7	6,5		17,25	
84	I049	Phạm Lê Ngọc Anh	15/08/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		8,7	9,0	8,6		26,25	
85	I037	Phan Văn Nam	11/04/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	Thương mại điện tử		8,5	8,6	7,6		24,90	
86	I050	Vũ Thị Lương	21/07/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Thương mại điện tử		8,3	8,0	8,0		24,45	
87	I002	Trần Thị Nga	21/03/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Thương mại điện tử		8,1	8,0	8,3		24,38	
88	I001	Ngô Thị Hằng	22/10/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Thương mại điện tử		8,2	7,8	7,6		23,85	
89	I025	Hoàng Thị Lệ Chi	15/05/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai	Thương mại điện tử	KV1	6,8	7,8	8,8	0,74	23,39	
90	I054	Nguyễn Đức Quyền	25/05/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Thương mại điện tử		7,4	7,7	7,5		22,50	
91	I045	Đặng Thị Thúy	03/05/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Thương mại điện tử		7,3	7,0	8,4		22,50	
92	I013	Đỗ Hữu Công	26/02/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,6	8,0	6,3		22,13	
93	I027	Nguyễn Thành Nam	30/10/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Thương mại điện tử		7,2	7,6	7,5		22,13	
94	I003	Nguyễn Đình Sơn	29/07/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Thương mại điện tử		7,5	6,8	7,5		21,98	
95	I026	Tô Thanh Tùng	09/08/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,1	7,1	8,0		21,98	
96	I015	Vũ Ngọc Đức	09/08/1992	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,6	7,5	7,7		21,30	
97	I053	Hoàng Quốc Hưởng	06/09/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Thương mại điện tử		7,8	6,6	6,1		21,23	
98	I051	Nguyễn Đức Anh	10/10/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,7	7,2	6,2		20,10	
99	I006	Vũ Thị Minh Thu	23/03/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Thương mại điện tử		6,5	6,6	7,1		20,03	
100	I014	Nguyễn Minh Thư	21/10/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Thương mại điện tử	KV1	6,1	6,8	6,7	0,75	20,03	
101	I024	Nguyễn Thị Diệu Linh	10/09/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Thương mại điện tử		7,3	6,4	5,6		19,95	
102	I052	Hà Thị Thịnh	13/01/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Thương mại điện tử		6,4	6,4	6,1		18,98	
103	I009	Nguyễn Thị Diệu Trang	20/10/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Thương mại điện tử	KV2NT	5,8	7,2	5,8	0,50	18,95	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
104	I016	Dương Hải Nam	16/02/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		5,7	5,5	7,1		18,00	
105	LQ022	Đặng Khánh Huyền	20/05/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2NT	9,1	8,8	8,7	0,22	26,99	
106	LQ028	Nguyễn Văn Đức	21/05/1998	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,9	8,3	8,4		25,88	
107	LQ048	Đặng Thị Thiên Ngọc	20/07/1997	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,3	7,8	7,9		25,73	
108	LQ023	Hoàng Thị Quỳnh Chi	14/06/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,6	8,2	8,6		25,50	
109	LQ013	Nguyễn Quốc Trung	10/10/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,2	8,9	8,4		25,28	
110	LQ011	Nguyễn Ngọc Quyên	12/02/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,3	8,2	8,7		25,13	
111	LQ049	Đào Ngọc Anh	02/10/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,6	8,3	7,8		24,98	
112	LQ062	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/03/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,6	8,1	8,0		24,98	
113	LQ039	Hoàng Quốc Thái	21/08/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,7	8,8	8,8		24,75	
114	LQ053	Hoàng Thu Hằng	11/01/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,8	8,2	9,1		24,68	
115	LQ007	Nguyễn Ngọc Thành	22/06/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,4	8,4	7,4		24,45	
116	LQ018	Âu Thị Quỳnh Chi	08/07/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	8,3	7,4		23,93	
117	LQ064	Phạm Minh Thu	28/10/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	7,9	7,6		23,78	
118	LQ058	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2NT	7,7	7,8	7,9	0,45	23,77	
119	LQ010	Vũ Quang Trung	20/09/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2NT	7,8	8,4	6,8	0,46	23,56	
120	LQ021	Nguyễn Phương Thảo	26/08/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	8,6	8,4		23,55	
121	LQ033	Nguyễn Đức Tín	11/06/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,7	7,7	8,2		23,48	
122	LQ038	Nguyễn Mạnh Cường	22/04/1994	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	7,7	7,4		23,48	
123	LQ027	Hoàng Thị Nguyệt	25/11/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	6,6	8,2		23,25	
124	LQ032	Nguyễn Văn Chiến	25/02/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	7,5	7,2		23,18	
125	LQ065	Nguyễn Quốc Huy	12/10/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,6	7,6	8,0		23,10	
126	LQ029	Nguyễn Thị Thanh Nhân	05/02/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	6,4	8,3		23,03	
127	LQ061	Nguyễn Hồng Quân	25/05/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	7,6	8,6		22,95	
128	LQ059	Lê Hoàng Tùng	26/09/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	7,0	7,5		22,88	
129	LQ001	Ngô Thị Ngà	22/10/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	7,4	7,9		22,73	
130	LQ002	Trần Thị Hậu	18/12/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,3	8,1	7,4		22,58	
131	LQ063	Đào Thị Minh Phương	01/01/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,7	7,6	7,1		22,58	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
132	LQ035	Trần Thị Lan	22/12/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	6,8	7,0		22,35	
133	LQ052	Nguyễn Thị Minh Phương	06/06/1993	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,7	7,6	6,6		22,20	
134	LQ019	Nguyễn Hồng Sơn	22/02/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,8	7,7	7,9		21,90	
135	LQ047	Phan Thị Thu Thủy	27/06/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	7,3	7,8		21,83	
136	LQ012	Lê Đức Mạnh	26/04/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,5	7,9	7,5		21,30	
137	LQ060	Đỗ Văn Tuấn	07/01/1993	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,6	7,0	7,2		20,55	
138	LQ003	Đào Hồng Quân	08/11/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	6,2	6,1		20,48	
139	LQ017	Mai Hồng Sơn	25/02/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,9	7,1	5,6		19,88	
140	LQ009	Đỗ Thị Hằng	14/07/1984	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,8	6,6	8,1		19,73	
141	LQ008	Nguyễn Hồng Liên	23/11/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,6	6,0	6,8		19,50	
142	LQ054	Nguyễn Văn Nam	26/07/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,0	6,0	6,7		18,53	
143	LQ004	Đặng Kiều Oanh	07/07/1993	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,7	5,3	5,9		18,45	
144	LQ036	Nguyễn Văn Hiên	03/09/1985	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tây	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,3	5,4	6,4		18,30	
145	LQ030	Quách Kim Dung	03/02/1994	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,7	5,8	7,1		18,23	
146	LQ037	Nguyễn Thị Kiều Ngân	26/12/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,7	6,6	6,0		18,00	
147	LQ020	Nguyễn Văn Kiên	28/11/1995	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,9	6,8	5,1		17,78	
148	LQ034	Nguyễn Thị Phụng	09/04/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,6	5,6	5,6		16,80	
149	LQ074	Đinh Thị Thục Chính	05/08/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,5	5,3	5,9		16,65	
150	P008	Lê Hoàng Mai Anh	01/02/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế	KV3	9,3	9,3	8,5		27,30	
151	P027	Nguyễn Minh Thủy	19/08/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Luật kinh tế	KV2	9,0	9,2	8,8	0,10	27,10	
152	P016	Đỗ Vũ Quang Hiếu	19/03/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		8,6	9,1	8,7		26,25	
153	P017	Hoàng Văn Sỹ	13/02/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Luật kinh tế		8,4	8,9	8,8		25,88	
154	P015	Đỗ Huy Hoàng Phát	24/04/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Luật kinh tế		8,2	8,5	8,0		24,68	
155	P007	Nguyễn Thị Hoa	16/01/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Luật kinh tế		7,9	7,1	7,9		23,10	
156	P009	Nguyễn Long Thức	28/02/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum	Luật kinh tế		7,3	7,6	7,9		22,58	
157	P029	Trần Thị Khánh Linh	18/03/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Luật kinh tế	KV2	6,1	8,3	8,1	0,25	21,70	
158	P011	Mai Đặng Thành	09/11/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Luật kinh tế		6,8	7,6	7,7		21,68	
159	P021	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/11/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	Luật kinh tế	KV2	7,0	6,7	6,7	0,25	20,80	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
160	P002	Nguyễn Thị Hằng	07/03/1983	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tây	Luật kinh tế		7,8	6,2	5,7		20,63	
161	P003	Nguyễn Văn Hoàng	07/10/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Luật kinh tế		6,4	7,4	7,0		20,40	
162	P022	Vũ Thanh Nga	24/12/1994	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Luật kinh tế		6,5	6,5	7,2		20,03	
163	P028	Trần Khánh Long	11/09/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Luật kinh tế		6,0	7,3	7,2		19,88	
164	P020	Phạm Mạnh Cường	03/10/1996	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		6,8	6,4	6,4		19,80	
165	P010	Phạm Quang Sang	15/10/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Luật kinh tế		6,0	7,0	6,9		19,43	
166	P001	Vũ Văn Bắc	12/11/1994	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Luật kinh tế		5,8	6,1	7,0		18,53	
167	P024	Nguyễn Ngọc Quỳnh	13/10/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Luật kinh tế		5,3	6,9	7,2		18,53	
168	P023	Phạm Thị Liên Hương	27/12/1991	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Luật kinh tế		5,4	6,8	5,9		17,63	

(Danh sách gồm 168 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS


GS, TS Nguyễn Hoàng Việt